

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **06/2021/HNGĐ - ST**

Ngày: 04/03/2021

Về việc: Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán: - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Khanh.

- Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vũ Đức Bình.

Ôngng Vũ Xuân Dư.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Hà, là thư ký Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: Ông Ninh Trọng Khánh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 04 tháng 03 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 192/2020/TLST – HNGĐ ngày 17 tháng 11 năm 2020 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2021/QĐXXST – HNGĐ ngày 19 tháng 01 năm 2021 và quyết định hoãn phiên tòa số 03/2021/ QĐST – HNGĐ ngày 04 tháng 2 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị Thúy H – sinh năm 1988; vắng mặt.

Nơi ĐKKHKT: Xóm 10, xã L, huyện K, tỉnh Ninh Bình.

Hiện tạm trú tại: Xóm 9, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn S – sinh năm 1986; vắng mặt.

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Xóm 10, xã L, huyện K, tỉnh Ninh Bình.

Chị H có đơn xin xét xử vắng mặt, anh S vắng mặt lần 2 không rõ lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và các văn bản khác có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn là chị Trần Thị Thúy H trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn S kết hôn hợp pháp với nhau đăng ký kết hôn ngày 14 tháng 07 năm 2009 tại UBND xã L, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống cùng gia đình anh S tại xóm 10, xã L. Quá trình vợ chồng chung sống hạnh phúc thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn do anh S thường rượu chè, say sìn, vô cớ đánh đập chị, đồng thời đập phá đồ đạc trong nhà. Bản thân chị đã nín nhịn nhiều lần bỏ qua cho anh S để vợ chồng hàn gắn hạnh phúc gia đình nhưng anh S không thay

đổi. Do không chịu đựng được anh S nên chị đã bế con bỏ về nhà bố mẹ đẻ của chị ở xã K sinh sống và vợ chồng đã sống ly thân nhau từ năm 2018 cho đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, anh chị không có khả năng về đoàn tụ nên chị H đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Nguyễn Văn S để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị và anh S có một con chung cháu Nguyễn Việt H1, sinh ngày 29 tháng 6 năm 2011, thời gian vợ chồng sống ly thân cho đến nay cháu ở cùng với chị H. Nay ly hôn chị H đề nghị Tòa án giao cho chị tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng cháu H1 chị yêu cầu anh S có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với cháu H1 là 1.000.000đ/tháng kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi con chung thành niên và tự lập được cuộc sống.

Về tài sản chung: Chị và anh S không có tài sản chung nên chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Bị đơn trong vụ án là anh Nguyễn Văn S hiện đang cư trú tại nhà bố mẹ đẻ anh S tại xóm 10, xã L, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Tòa án nhân dân huyện K đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án cho anh Nguyễn Văn S và giao các tài liệu chứng cứ theo đề nghị của nguyên đơn, tổng đạt các văn bản tố tụng, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho anh S, anh S đã nhận các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không ký vào các biên bản tổng đạt. Anh S đã biết việc chị H khởi kiện xin ly hôn với mình, nhưng không có mặt làm việc tại Tòa án và cũng không có văn bản ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn cũng như về việc giải quyết vụ án.

Tại bản tự khai của cháu Nguyễn Việt H1 thì nguyện vọng cháu muốn ở với mẹ là chị Trần Thị Thúy H để ổn định việc học tập cũng như sinh hoạt của cháu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

1. Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành và thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chấp hành và thực hiện tương đối đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự.

2. Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81,82,83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 144 khoản 4 Điều 147 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị Thúy H ly hôn anh Nguyễn Văn S.

- Về con chung: Giao cho chị Trần Thị Thúy H tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng cháu Nguyễn Việt H1, sinh ngày 29 tháng 6 năm 2011 kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh Nguyễn Văn S có nghĩa vụ cấp dưỡng đối

với cháu H1 là 1.000.000đ/ tháng kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi con chung thành niên. anh S có quyền đi lại thăm nom con chung.

- Án phí: Chị Trần Thị Thúy H nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Trần Thị Thúy H có đơn khởi kiện về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn với anh Nguyễn Văn S có nơi cư trú tại: Xóm 10, xã L, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Tòa án nhân dân huyện K thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1, Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa vắng mặt bị đơn là anh Nguyễn Văn S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt không rõ lý do. Chị H có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy để đảm bảo quyền lợi của các đương sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Thúy H và anh Nguyễn Văn S có đăng ký kết hôn ngày 14 tháng 07 năm 2009 tại UBND xã L, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Như vậy quan hệ hôn nhân giữa chị Trần Thị Thúy H và anh Nguyễn Văn S là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị về sinh sống tại xóm 10, xã L, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Quá trình vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân mâu thuẫn. Nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn do anh S thường rượu chè, say sỉn, vô cớ đánh đập chị, đồng thời đập phá đồ đạc trong nhà. Bản thân chị đã nín nhịn nhiều lần bỏ qua cho anh S để vợ chồng hàn gắn hạnh phúc gia đình nhưng anh S không thay đổi. Thực tế chị H đã bế con bỏ về nhà bố mẹ đẻ của chị ở xã K sinh sống và anh đã sống ly thân nhau từ năm 2018 cho đến nay. Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án anh S không có văn bản ý kiến, không có bản tự khai và không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Tại phiên tòa anh S vẫn vắng mặt không rõ lý do. Điều này thể hiện anh S không thiện trí trong việc giải quyết mâu thuẫn vợ chồng, không có biện pháp nào hàn gắn, hôn nhân của anh chị đã rơi vào tình trạng trầm trọng.

Biên bản xác minh tại Ủy ban nhân dân xã L thể hiện: Chị H và anh S có quan hệ hôn nhân hợp pháp, sau khi kết hôn anh chị về chung sống cùng bố mẹ đẻ anh Sơn tại xóm 10, xã L, huyện K được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn do anh S thường xuyên say sỉn rồi chửi bới vợ con. Thời gian gần đây do uống rượu nhiều nên đã nhiều lần anh S không kiểm soát được hành vi của mình, đại diện chính quyền thôn xóm đã động viên gia đình đưa anh S đi cai nghiện rượu nhưng gia đình chưa thực hiện. Từ năm 2018 đến nay thì chị H đã về nhà bố mẹ đẻ sinh sống. Chị H và anh S sống ly thân mỗi người ở một nơi. Nay chị H xin ly hôn Tòa án căn cứ vào các quy định của pháp luật để giải quyết.

Từ những tài liệu, chứng cứ nêu trên chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh S đã đến mức trầm trọng không thể khắc phục được, anh chị đã có thời gian sống ly thân nhau gần ba năm nay và không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

[3] Về con chung: Chị H và anh S có một con chung cháu Nguyễn Việt H1, sinh ngày 29 tháng 6 năm 2011. Thời gian vợ chồng sống ly thân cháu H1 do chị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, về phía anh S không có ý kiến gì về việc giải quyết các vấn đề trong vụ án. Qua tham khảo ý kiến nguyện vọng của cháu H1 thì hiện cháu H1 đang ở với chị H và nếu bố mẹ cháu ly hôn cháu muốn ở với mẹ để ổn định việc học tập cũng như cuộc sống sinh hoạt của cháu. Nay để không làm ảnh hưởng đến việc học tập và sinh hoạt của cháu nên giao cháu H1 cho chị H tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi và tự lập được cuộc sống. Anh S có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với con chung là phù hợp với điều 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình và phù hợp với thực tế điều kiện nuôi dưỡng con của hai bên đương sự.

Để không ảnh hưởng đến việc học tập cũng như môi trường sinh hoạt của cháu, cũng như đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con nay cần giao cháu H cho chị H tiếp tục chăm sóc. Buộc anh S phải có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với cháu H1 là 1.000.000đ/ tháng. Kể từ tháng 4 năm 2021 cho đến khi con chung thành niên và tự lập được cuộc sống.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 144. Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị Trần Thị Thúy H phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Anh Nguyễn Văn S phải nộp 300.000đ án phí dân sự về nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ để sung ngân sách nhà nước.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 144; khoản 4 Điều 147; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Thúy H và anh Nguyễn Văn S được ly hôn

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Việt H1, sinh ngày 29 tháng 6 năm 2011 cho chị Trần Thị Thúy H tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng. Kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi cháu H1 trưởng thành đủ 18 tuổi và tự lập được cuộc sống. Anh Nguyễn Văn S có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với cháu H1 là 1.000.000đ/ tháng kể từ

tháng 4 năm 2021 cho đến khi con chung thành niên, tự lập được cuộc sống. Anh Nguyễn Văn S có quyền đi lại thăm nom con chung.

Không bên nào được ngăn cản quyền thăm nom, chăm sóc con chung.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu Thi hành án người phải thi hành án còn phải chịu một khoản tiền lãi theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3. Về án phí: Chị Trần Thị Thúy H phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2018/0002476 ngày 17 tháng 11 năm 2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện K, tỉnh Ninh Bình.

Anh Nguyễn Văn S phải nộp 300.000đ án phí dân sự về nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ để sung quỹ nhà nước.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được THADS, người phải THADS có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật THADS; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật THADS.

Án xử công khai sơ thẩm nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình.
- VKSND huyện K;
- Chi cục THA dân sự huyện K;
- UBND xã L, huyện K;
- Dương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Thị Khanh